

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3174**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **06** tháng **11** năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1761/QĐ-BCT ngày 02/7/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Quyết định số 2600/QĐ-BCT ngày 06/10/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực điện lực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương (tại Tờ trình số 1558/TTr-SCT ngày 16/10/2020).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các thủ tục hành chính trong Lĩnh vực An toàn thực phẩm; Lưu thông hàng hóa

trong nước; Lĩnh vực Điện lực được công bố tại Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 và Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh trái với quyết định này được thay thế, bãi bỏ.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.y

**Nơi nhận:**

- Như trên Điều 2;
- Trung tâm tin học tỉnh;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC<sub>(2b)</sub>. *Pho*



**CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hưng**

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3134 QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

**I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh**

STT	Tên, mã số thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM</b>						
1.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện 2.000591.000.00.00.H50	20 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí: 1.000.000 Đồng (Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở;) Phí: 2.500.000 Đồng (Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng /lần/cơ sở.)	- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương	- Sửa đổi căn cứ pháp lý
2.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công	20 ngày làm việc (Đối với trường hợp Giấy chứng nhận đã được	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở;)	- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương	- Sửa đổi Thời hạn, Phí và căn cứ pháp lý

	Thương thực hiện - 2.000535.000.00.00.H50	<i>cấp hết thời hạn)</i>			- Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng /lần/cơ sở.)	- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương	
		03 ngày làm việc (Đối với trường hợp Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng)	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	(Không thu phí)	- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương	- Sửa đổi Thời hạn, Phí và căn cứ pháp lý
3.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện - 2.000535.000.00.00.H50	<b>20 ngày làm việc</b> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: <i>Đối với trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</i>	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở;  - Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng /lần/cơ sở.)	- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương	Sửa đổi Thời hạn, Phí và căn cứ pháp lý



		03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Đối với trường hợp thay đổi tên cơ sở/chủ cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa điểm, địa chỉ và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	(Không thu phí)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương</li> <li>- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính</li> <li>- Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương</li> </ul>	Sửa đổi Thời hạn, Phí và căn cứ pháp lý
<b>II. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC</b>							
4.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá 2.000637.000.00.00.H50	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định hồ sơ: 2.200.000 Đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương</li> <li>- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính</li> <li>- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương</li> <li>- Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của</li> </ul>	Sửa đổi Phí, Căn cứ pháp lý

						Bộ Công Thương .	
5.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá 2.000640.000.00.00.H50	<p>- 10 ngày làm việc (Đối với trường hợp giấy phép được cấp hết thời hạn hiệu lực)</p> <p>- 15 ngày làm việc (Đối với trường hợp giấy phép được cấp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)</p>	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định hồ sơ: 2.200.000 đồng	<p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</p> <p>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương</p> <p>- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính</p> <p>- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương</p> <p>- Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .</p>	Sửa đổi Thời hạn, Phí và căn cứ pháp lý
6.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá 2.000197.000.00.00.H50	15 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định hồ sơ: 2.200.000 Đồng	<p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</p> <p>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương</p> <p>- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính</p> <p>- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày</p>	Sửa đổi Phí, căn cứ pháp lý

						15/11/2019 của Bộ Công Thương - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	
7.	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá 2.000626.000.00.00.H50	10 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định:  - Thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  - Các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	Sửa đổi căn cứ pháp lý
8.	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá 2.000622.000.00.00.H50	15 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	* Phí thẩm định:  - Thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  - Các khu vực khác:	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của	Sửa đổi căn cứ pháp lý

					600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.	Bộ Tài chính - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương - Quyết định số 655a/QĐ- BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	
9.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá 2.000204.000.00.00.H50	15 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	* Phí thăm định:  - Thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.  - Các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT- BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT- BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương - Quyết định số 655a/QĐ- BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	Sửa đổi căn cứ pháp lý
10.	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá 2.000190.000.00.00.H50	15 ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí thăm định:  - Thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT- BCT ngày 18/6/2020 của	Sửa đổi căn cứ pháp lý



					định. - Các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định	<i>Bộ Công Thương</i> - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	
11.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá 2.000176.000.00.00.H50	15 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	(Không thu phí)	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	Sửa đổi Phi và căn cứ pháp lý
12.	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	15 Ngày làm việc	Trung tâm	Trực tiếp/Dịch vụ	Phí thăm định:	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày	Sửa đổi căn cứ pháp lý

	- 2.000167.000.00.00.H50 (Do GP hết hạn)		PVHCC tỉnh	vụ bưu chính	- Thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.  - Các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định	05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT- BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT- BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương - Quyết định số 655a/QĐ- BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	
13.	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá 2.000167.000.00.00.H50	15 Ngày làm việc (Đối với trường hợp Giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát, hoặc bị cháy)	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	(Không thu phí)	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT- BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT- BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương - Quyết định số 655a/QĐ- BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	Sửa đổi Phí và căn cứ pháp lý

14.	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) 2.001646.000.00.00.H50	15 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định: 2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương</li> <li>- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính</li> <li>- Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .</li> </ul>	Sửa đổi căn cứ pháp lý
15.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) 2.001636.000.00.00.H50	7 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương</li> <li>- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính</li> <li>- Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .</li> </ul>	Sửa đổi căn cứ pháp lý
16.	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm) 2.001630.000.00.00.H50	7 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Trường hợp giấy phép hết hiệu lực Phí thẩm định : 2.200.000 đồng/lần thẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của</li> </ul>	Sửa đổi Phí và căn cứ pháp lý

					định/hồ sơ	Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	
17.	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 2.001624.000.00.00.H50	15 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định: - Thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	Sửa đổi căn cứ pháp lý
18.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 2.001619.000.00.00.H50	7 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Không	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-	Sửa đổi Phí và căn cứ pháp lý

						BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	
19.	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 2.000636.000.00.00.H50	- 7 ngày làm việc (Trường hợp Giấy phép mất hoặc hỏng)  - 15 ngày làm việc (Trường hợp Giấy phép hết hiệu lực)	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định đối với trường hợp giấy phép hết hiệu lực:  - Thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.  - Các khu vực khác: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	Sửa đổi Phí và căn cứ pháp lý
20.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 2.001547.000.00.00.H50	12 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng/giấy chứng nhận	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	Sửa đổi căn cứ pháp lý



21.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp  2.001175.000.00.00.H50	5 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định: 600.000  đồng/giấy chứng nhận	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	Sửa đổi căn cứ pháp lý
22.	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp  2.001172.000.00.00.H50	12 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định: 600.000  đồng/giấy chứng nhận	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	Sửa đổi căn cứ pháp lý
23.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định: 1.200.000  đồng/giấy chứng nhận	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của	Sửa đổi căn cứ pháp lý

	1.002758.000.00.00.H50					Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	
24.	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 2.000652.000.00.00.H50	12 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/dịch vụ bưu chính/trực tuyến	Phí thẩm định: 600.000 đồng/giấy chứng nhận	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .	Sửa đổi căn cứ pháp lý
25.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp 2.001161.000.00.00.H50	5 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định: 600.000 đồng/giấy chứng nhận	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-	Sửa đổi căn cứ pháp lý

						<i>BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .</i>	
26.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG 2.000142.000.00.00.H50	15 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	<p>Khu vực thành phố, thị xã:</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</p> <p>- Các khu vực còn lại:</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 200.000 đồng/điểm</p>	<p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</p> <p>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương</p> <p>- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính</p> <p>- Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .</p>	<i>Sửa đổi căn cứ pháp lý</i>

					kinh doanh/lần thẩm định.		
27.	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG 2.000166.000.00.00.H50	15 Ngày	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	<p>Khu vực thành phố, thị xã:</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</p> <p>- Các khu vực còn lại:</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 200.000 đồng/điểm</p>	<p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</p> <p>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương</p> <p>- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính</p> <p>- Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .</p>	Sửa đổi căn cứ pháp lý

					kinh doanh/lần thẩm định.		
28.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG  2.000354.000.00.00.H50	15 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	<p>Khu vực thành phố, thị xã:</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</p> <p>- Các khu vực còn lại:</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần</p>	<p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</p> <p>- Thông tư số 13/2020/TT- BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương</p> <p>- Thông tư 117/2018/TT- BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính</p> <p>- Quyết định số 655a/QĐ- BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương .</p>	Sửa đổi căn cứ pháp lý



					thẩm định.		
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC</b>						
1.	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương 2.001561.000.00.00.H50	15 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Quy định tại Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương - Quyết định số 2600/QĐ-BCT ngày 06/10/2020 của Bộ Công Thương	Sửa đổi căn cứ pháp lý
2.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương 2.001632.000.00.00.H50	07 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Quy định tại Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương - Quyết định số 2600/QĐ-BCT ngày 06/10/2020 của Bộ Công Thương	Sửa đổi thời hạn và căn cứ pháp lý
3.	Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô đặt tại địa phương 2.001617.000.00.00.H50	15 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Quy định tại Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản	- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương - Quyết định số 2600/QĐ-BCT ngày 06/10/2020 của Bộ Công Thương	Sửa đổi căn cứ pháp lý

					lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực		
4.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương 2.001549.000.00.00.H50	07 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Quy định tại Thông tư số 167/2016/TT- BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	- Thông tư số 21/2020/TT- BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương - Quyết định số 2600/QĐ- BCT ngày 06/10/2020 của Bộ Công Thương	Sửa đổi căn cứ pháp lý
5.	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương 2.001535.000.00.00.H50	15 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Quy định tại Thông tư số 167/2016/TT- BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	- Thông tư số 21/2020/TT- BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương - Quyết định số 2600/QĐ- BCT ngày 06/10/2020 của Bộ Công Thương	Sửa đổi căn cứ pháp lý
6.	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4kV tại địa phương 2.001266.000.00.00.H50	07 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Quy định tại Thông tư số 167/2016/TT- BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy	- Thông tư số 21/2020/TT- BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương - Quyết định số 2600/QĐ- BCT ngày 06/10/2020 của	Sửa đổi thời hạn và căn cứ pháp lý

					định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	Bộ Công Thương	
7.	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương 2.001249.000.00.00.H50	15 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Quy định tại Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương</li> <li>- Quyết định số 2600/QĐ-BCT ngày 06/10/2020 của Bộ Công Thương</li> </ul>	Sửa đổi căn cứ pháp lý
8.	Cấp Sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương 2.001724.000.00.00.H50	07 Ngày làm việc	Trung tâm PVHCC tỉnh	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Quy định tại Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 21/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 của Bộ Công Thương</li> <li>- Quyết định số 2600/QĐ-BCT ngày 06/10/2020 của Bộ Công Thương</li> </ul>	Sửa đổi thời hạn và căn cứ pháp lý

## II. Thủ tục hành chính cấp huyện

STT	Tên, mã số thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I	<b>LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA</b>						
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 2.000633.000.00.00.H50	10 Ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần/cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương</li> <li>- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính</li> <li>- Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương</li> </ul>	Sửa đổi căn cứ pháp lý
2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 1.001279.000.00.00.H50	7 Ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/lần/cơ sở (Đối với trường hợp giấy phép hết hạn)</li> <li>- Không thu phí đối với trường hợp giấy phép bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát, hoặc bị cháy.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương</li> <li>- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính</li> <li>- Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương</li> </ul>	Sửa đổi phí và căn cứ pháp lý

3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 2.000629.000.00.00.H50	7 Ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	(Không thu phí)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương</li> <li>- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính</li> <li>- Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương</li> </ul>	Sửa đổi phí, căn cứ pháp lý
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu 2.000620.000.00.00.H50	10 Ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	<p>Khu vực thành phố, thị xã:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</li> <li>+ Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</li> <li>- Các khu vực còn lại:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương</li> <li>- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính</li> <li>- Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương</li> </ul>	Sửa đổi căn cứ pháp lý



					<p>+ Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định;</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định.</p>		
5	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu 2.001240.000.00.00.H50	7 Ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	<p><b>- Đối với trường hợp giấy phép hết hạn:</b></p> <p>Khu vực thành phố, thị xã:</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định;</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định;</p> <p>- Các khu vực còn lại:</p> <p>+ Chủ thể kinh doanh là tổ chức,</p>	<p>- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020;</p> <p>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương</p> <p>- Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính</p> <p>- Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương</p>	Sửa đổi Phí và căn cứ pháp lý

					doanh nghiệp là: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định; + Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định. <i>- Đối với trường hợp          giấy phép bị mất, bị          tiêu hủy toàn bộ          hoặc một phần, bị          rách nát hoặc bị          cháy: Không thu phí</i>		
6	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu 2.000615.000.00.00.H50	7 Ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	(Không thu phí)	- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT- BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ- BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương	Sửa đổi Phi và căn cứ pháp lý
7	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	15 Ngày	Bộ phận tiếp nhận và	Trực tiếp/Dịch	Khu vực thành phố, thị xã:	- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày	Sửa đổi Phi và căn cứ

	2.000181.000.00.00.H50	làm việc	trả kết quả của UBND cấp huyện	vụ bưu chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000 đồng/diễm kinh doanh/lần thẩm định;</li> <li>+ Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000 đồng/diễm kinh doanh/lần thẩm định;</li> <li>- Các khu vực còn lại:</li> <li>+ Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 600.000 đồng/diễm kinh doanh/lần thẩm định;</li> <li>+ Chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 200.000 đồng/diễm kinh doanh/lần thẩm định.</li> </ul>	05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương	pháp lý
8	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá 2.000150.000.00.00.H50 (Do GP hết hạn)	15 Ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	Khu vực thành phố, thị xã: + Chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 1.200.000 đồng/diễm	- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công	Sửa đổi Phi và căn cứ pháp lý

					kinh doanh/lần thẩm định; + Chủ thẻ kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Các khu vực còn lại: + Chủ thẻ kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp là: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; + Chủ thẻ kinh doanh là hộ kinh doanh, cá nhân là: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	<i>Thương</i> -Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - <i>Quyết định số 655a/QĐ-BCT</i> ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương	
9	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá 2.000150.000.00.00.H50 (Do GP bị mất hoặc hỏng)	15 Ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	(Không thu phí)	- <i>Nghị định 17/2020/NĐ-CP</i> ngày 05/02/2020; - <i>Thông tư số 13/2020/TT-BCT</i> ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương -Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018	Sửa đổi Phí và căn cứ pháp lý

						của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương	
10	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá 2.000162.000.00.00.H50	15 Ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/Dịch vụ bưu chính	(Không thu phí)	- Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020; - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương - Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính - Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương	Sửa đổi Phí và căn cứ pháp lý

**Tổng cộng (I+ II): 36+10 = 46 thủ tục**



**PHỤ LỤC 2**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ**  
**CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3174/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

**I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh:**

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực an toàn thực phẩm</b>	
01	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương -2.000607.000.00.00.H50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 1761/QĐ-BCT ngày 02/7/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Nghị định 17/2020/NĐ-CP về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</li> </ul>
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực năng lượng</b>	
02	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV) -2.000484.000.00.00.H50	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 1761/QĐ-BCT ngày 02/7/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;</li> <li>- Nghị định 17/2020/NĐ-CP về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</li> </ul>

## II. Thủ tục hành chính cấp huyện

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước</b>	
1.	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh 2.001235.000.00.00.H50	- Quyết định số 655a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương
2.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh 2.001231.000.00.00.H50	- Nghị định 17/2020/NĐ-CP về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
3.	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh 1.002956.000.00.00.H50	- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực an toàn thực phẩm</b>	
1	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương -2.000607.000.00.00.H50	- Quyết định số 1761/QĐ-BCT ngày 02/7/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 17/2020/NĐ-CP về sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương - Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày của Bộ Công Thương về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

**Tổng cộng (I+ II): 02+04 = 06 thủ tục**